

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày : 01 – 8 - 2022

V/v: *Tranh chấp về  
hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT**

**- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải An.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Võ Tiến Dũng.  
2. Bà Tống Thị Điệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Cường – C/vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim M - Sinh năm: 1987 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn P – sinh năm: 1983 (Có mặt).

Cùng trú tại: Số vxc đường T, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M trình bày:***

Tôi và ông Nguyễn Tấn P chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo H – sinh ngày 12/12/2007 và cháu Nguyễn Phạm Bảo H1 – sinh ngày: 11/3/2015.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống, không tìm được tiếng nói chung, giữa hai bên không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Ông P không chăm lo làm ăn, thường hay

nhậu nhẹt về và có hành vi bạo lực gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung cũng không thể tiếp tục duy trì nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Tấn P.

Về con chung: Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng trực tiếp 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:*** Tôi và bà Phạm Thị Kim M chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi đã có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo H – sinh ngày 12/12/2007 và cháu Nguyễn Phạm Bảo H1 – sinh ngày: 11/3/2015.

Quá trình chung sống, chúng tôi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ kinh tế gia đình và vấn đề tình cảm dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã nhau, nhiều lúc có dẫn đến việc xô xát. Mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra cho đến nay, vợ chồng không nói chuyện nên vẫn chưa tìm được tiếng nói chung và chưa hòa giải được. Song, hiện nay do các con chung đều đang còn nhỏ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận việc ly hôn thì về con chung: Tôi có nguyện vọng giao cả 02 con chung cho một bên nuôi dưỡng, còn ai nuôi dưỡng cũng được vì cả vợ chồng chúng tôi đều có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk trình bày quan điểm:***

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung nhận thấy: Bà Phạm Thị Kim M và ông Nguyễn Tấn P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, giữa hai bên đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn gia đình mà cho đến nay không thể hàn gắn được. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim M. Bà Phạm Thị Kim M

được ly hôn với ông Nguyễn Tấn P. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung là cháu Nguyễn Bảo H – sinh ngày 12/12/2007 và cháu Nguyễn Phạm Bảo H1 – sinh ngày: 11/3/2015 cho bà Phạm Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: Không đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở để xác định: Các đương sự chung sống với nhau từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận số 45 ngày 04/5/2006. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn mà cho đến nay không thể hòa giải và hàn gắn được. Ông Nguyễn Tấn P không đồng ý ly hôn, tuy nhiên ông Phương xác định từ khi bà Phạm Thị Kim M làm đơn khởi kiện đến nay, vợ chồng cũng không nói chuyện với nhau nên vẫn chưa tìm được tiếng nói chung và chưa hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M.

Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo H – sinh ngày 12/12/2007 và cháu Nguyễn Phạm Bảo H1 – sinh ngày: 11/3/2015. Ông Nguyễn Tấn P đề nghị giao 02 chung cho 01 bên nuôi dưỡng trực tiếp. Bà Phạm Thị Kim M có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung. Các con chung đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do vậy, việc giao các con chung là cháu Nguyễn Bảo H và cháu Nguyễn Phạm Bảo H1 cho bà Phạm Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với nguyện vọng của các thành viên trong gia đình và đảm bảo được quyền lợi của các con chung nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: Các đương sự không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M. Bà Phạm Thị Kim M được ly hôn với ông Nguyễn Tấn P.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo H – sinh ngày 12/12/2007 và cháu Nguyễn Phạm Bảo H1 – sinh ngày: 11/3/2015 cho bà Phạm Thị Kim M trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Tấn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012417 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKS ND Tp.BMT;
- VKS ND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND p.K, Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hải An**